

Số: **90/2022/QĐST-DS**

Bình Đại, ngày 04 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 9 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 64/2020/TLST – DS ngày 21 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **1. Ông Lê Văn S**, sinh năm 1961

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn N**, sinh năm 1962, địa chỉ: Khu phố A, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre, là người đại diện theo ủy quyền của ông S, bà H. (Văn bản ủy quyền ngày 23/4/2020).

- *Bị đơn:* **1. Bà Trương Hồng T**, sinh năm 1961

2. Ông Trương Thanh N, sinh năm 1965 (Đã chết năm 2019)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nhàn:

1. Bà Dương Thị Ngọc L, sinh năm 1966 (vợ ông Nhàn)

2. Chị Trương Dương Km P, sinh năm 1990 (con ông Nhàn)

3. Chị Trương Dương Kim Y, sinh năm 1996 (con ông Nhàn)

Cùng địa chỉ: ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Bà L, chị P, chị Y có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trương Hồng N, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp H, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N đồng ý tiếp tục thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đối với ông Lê Văn S và bà Lê Thị H để **làm thủ tục** chuyển nhượng sang tên phần diện tích đất khi ông Trương Thanh N còn sống đã chuyển nhượng và nhận đủ tiền là 36 chỉ vàng 24K tương ứng 3.000m² thuộc thửa số 2, 12, 15, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp Phú Thành, xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre mà hiện do bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N cùng đứng tên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH03081 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Đại cấp ngày 05/12/2019. Cụ thể:

2.1.1. Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N đồng ý chuyển nhượng Quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn S và bà Lê Thị H phần diện tích đất 2.788,7m² thuộc các thửa 2-2, 2-3, 12-1, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phú Vang.

2.1.2. Phần diện tích còn lại 211,3m² phía bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ hoàn trả lại giá trị thành tiền cho ông Lê Văn S và bà Lê Thị H với số tiền là 41.414.800 đồng (Bốn mươi một triệu bốn trăm mười bốn nghìn tám trăm đồng).

- Phần đất có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp với thửa 22, tờ bản đồ số 8;
- + Nam giáp với phần còn lại thửa 12, tờ bản đồ số 13;
- + Đông giáp với thửa 21, tờ bản đồ số 8; thửa số 3, tờ bản đồ số 13.
- + Tây giáp thửa 20, tờ bản đồ số 8; thửa 43, 42, tờ bản đồ số 13.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất tại thửa số 2, 12, 15, tờ bản đồ số 13 xã Phú Vang ngày 19/10/2020 kèm theo).

2.1.3. Các bên thống nhất thỏa thuận ngay khi quyết định Tòa án có hiệu lực pháp luật, ông Lê Văn S và bà Lê Thị H với bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho nhau với diện tích và tứ cận như nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

2.1.4. Thực tế phần đất tại thửa 2-2, 2-3, 12-1, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phú Vang đang do ông Lê Văn S và bà Lê Thị H quản lý sử dụng và ông Lê Văn S, bà Lê Thị H được quyền sở hữu các cây trồng có trên đất tại thửa 2-2, 2-3, 12-1, tờ bản đồ số 13 do ông bà đã trồng.

2.2. Ông Lê Văn S và bà Lê Thị H tự nguyện đồng ý có nghĩa vụ giao trả lại cho bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N phần diện tích đất còn dư lại là 2537m² thuộc thửa 12-3, 15, 40-2, 40-1, tờ bản đồ số 13, tọa lạc xã Phú Vang.

- Phần đất có tứ cận như sau:

- + Bắc giáp với phần còn lại thửa 12, tờ bản đồ số 13;
- + Nam giáp với Rạch;
- + Đông giáp với thửa 13, tờ bản đồ số 13;
- + Tây giáp thửa 40, 41 tờ bản đồ số 13.

(Có họa đồ hiện trạng sử dụng đất tại thửa số 2, 12, 15, tờ bản đồ số 13 xã Phú Vang ngày 19/10/2020 kèm theo).

2.3. Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N đồng ý có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Văn S và bà Lê Thị H chi phí cải tạo đất; cây trồng trên đất và hỗ trợ chi phí bứng di dời cây trồng với số tiền là: 78.216.000 đồng (Bảy mươi tám triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

2.4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.5. Ông Lê Văn S và bà Lê Thị H có nghĩa vụ bứng di dời 38 cây Măng cầu rừng (cây bình bát) ra khỏi phần đất tại thửa 12-3, tờ bản đồ số 13, xã Phú Vang để giao trả đất cho bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N.

2.6. Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N được sở hữu các cây trồng có trên đất tại thửa 12-3 và thửa 15, tờ bản đồ số 13, xã Phú Vang gồm:

- + 10 Cây dừa xiêm dứa trồng năm 2018;
- + 55 cây dừa xiêm trồng năm 2019;
- + 02 cây măng cầu trồng năm 2019.

2.7. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Lê Văn S và bà Lê Thị H đối với bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N, thống nhất để thửa 12-2, diện tích 28,5m², tờ bản đồ số 13, xã Phú Vang dùng làm lối đi chung cho cả hai bên cùng được quyền sử dụng.

2.8. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Lê Văn S và bà Lê Thị H đối với bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N, thống nhất bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N vẫn để đường nước theo hiện trạng thực tế qua thửa 12-3 và thửa 15, tờ bản đồ số 13, xã Phú Vang, để dẫn nước từ rạch vào thửa 2-2, 2-3, 12-1, tờ bản đồ số 13, xã Phú Vang cho ông Lê Văn S và bà Lê Thị H.

2.9. Ghi nhận các chủ đất giáp ranh liền kề gồm: ông Trần Văn T, chị Huỳnh

Thị R, ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị H với ông Lê Văn S và bà Lê Thị H; bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N đều thống nhất đường ranh tại phần đất tranh chấp thuộc thửa 2, 12, 15, tờ bản đồ số 13 là đường ranh theo hiện trạng thực tế đang sử dụng thể hiện theo các điểm A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, L, M, N, O, P, Q, R, S, T, U, V, A và đã thống nhất chỉ ranh lúc đo đạc.

2.10. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ con ông Trương Thanh N gồm: Dương Thị Ngọc L (vợ), Trương Dương Km P (con), Trương Dương Kim Y (con) không có yêu cầu gì trong vụ án, mà thống nhất với ý kiến của bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N.

2.11. Về chi phí tố tụng:

2.11.1. Ông Lê Văn S và bà Lê Thị H đồng ý tự nguyện chịu là 4.217.500 đồng (Bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng). Thực tế ông bà đã nộp xong.

2.11.2. Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N đồng ý tự nguyện chịu là 4.217.500 đồng (Bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng). Vì vậy, bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lê Văn S và bà Lê Thị H số tiền 4.217.500 đồng (Bốn triệu hai trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

2.12. Các thỏa thuận nêu trên được ông Lê Văn S và bà Lê Thị H với bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N thống nhất thực hiện ngay khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 04/10/2022).

2.13. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.13.1. *Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:*

Ông Lê Văn S và bà Lê Thị H phải chịu là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N phải chịu là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

2.13.2. *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Ông Lê Văn S và bà Lê Thị H phải liên đới chịu là: 1.495.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N phải liên đới chịu là: 1.495.000 đồng (Một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2.13.3. Tổng cộng án phí: Ông Lê Văn S và bà Lê Thị H phải liên đới chịu là 1.570.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng ông Lê Văn S thuộc trường hợp người cao tuổi, nên ông được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần ông phải chịu là 785.000 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Bà Lê Thị H phải chịu án phí phần của bà là 785.000 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

2.13.4. Tổng cộng án phí: Bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N phải liên đới chịu là 1.570.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) nhưng do thuộc trường hợp người cao tuổi, nên bà Trương Hồng T và bà Trương Hồng N được miễn nộp toàn bộ án phí.

2.13.5. Ông Lê Văn S và bà Lê Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0010695 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên